TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST
Ngày 22/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Long Văn Thanh

2. Ông Luân Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2023/TLST-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn V – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình Q – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: SN 01X, tổ 0X, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Hoàng Thị H

Địa chỉ: Tổ 0X, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3.2. Bà Đàm Thị Linh N,

Địa chỉ: SN 01X, tổ 0X, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

4. Người làm chứng: Ông Bùi Đức D

Địa chỉ: Tổ 0X, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn V - người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết giữa bà Đàm Thị Linh N và con gái ông là Hoàng Thị H, từ cuối năm 2021 đến đầu năm 2022 bà N đã trao đổi với bà H về việc mua dầu cho Công ty TNHH B, địa chỉ: SN 01X, tổ 0X, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng do ông Lê Đình Q làm giám đốc (ông Q là chồng của bà N). Qua mạng xã hội Zalo bà N có nhắn tin về địa chỉ của Công ty TNHH B và biển số xe ô tô 1XH - 000.XX và Rơ Moóc 11R00XX, do ông Bùi Đức D – Lái xe của công ty đến cửa hàng xăng dầu số 0X (địa chỉ: Xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng) là cửa hàng của công ty TNHH H do bà Hoàng Thị H là cửa hàng trưởng để nhận dầu và hứa sẽ chuyển tiền đầy đủ cho Công ty TNHH H. Do tin tưởng bà N nên ông đã đồng ý xuất dầu cho ông Bùi Đức D – Lái xe của công ty TNHH B, cụ thể:

Tháng 01/2022 ông D đến cửa hàng nhận dầu nhiều lần với tổng số tiền dầu là 71.350.000đ (*Bảy mươi mốt triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó có 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) nợ cũ chuyển từ tháng 12/2021 sang.

Tháng 02/2022 ông D đến cửa hàng nhận dầu với số tiền là 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tháng 3/2022 ông D đến cửa hàng nhận dầu với số tiền là 59.300.000đ (*Năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tháng 4/2022 ông D đến cửa hàng nhận dầu với số tiền là 55.170.000đ (*Năm mươi lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Mỗi lần ông Bùi Đức D đến nhận dầu đều trực tiếp ký vào sổ xác nhận, đến cuối tháng công ty chốt công nợ và xuất hóa đơn, nhân viên cửa hàng có gửi hóa đơn cho ông Bùi Đức D cầm về để đưa cho bà N, đồng thời bà H còn chụp ảnh hóa đơn, biên bản đối chiếu công nợ qua Zalo cho bà N và yêu cầu bà N thanh toán tiền dầu cho công ty.

Kể từ tháng 01 đến tháng 4/2022 ông Bùi Đức D đã trực tiếp đến nhận dầu và ký sổ tại cửa hàng xăng dầu số 0X (địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng) thuộc Công ty TNHH H với tổng số tiền là 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Công ty TNHH H đã đôn đốc, yêu cầu bà N thanh toán tiền dầu nhiều lần nhưng bà N cứ hứa hẹn, khất lần không thanh toán. Khi bà Hoàng Thị H soạn thảo hợp đồng mua bán xăng dầu và biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng gửi qua Zalo để bà N in ra ký thì phát hiện hợp đồng nhận lại đã ghi sai họ của ông Lê Đình Q thành Trịnh Đình Q. Ông V và bà H đã đến nơi làm việc của bà N yêu cầu ký lại bản hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ nhưng bà N không đồng ý. Nhận thấy có dấu hiệu của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", ngày 16/02/2023 Công ty TNHH H đã có đơn tố giác tội phạm gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng để làm rõ hành vi của bà Đàm

Thị Linh N, ông Lê Đình Q và ông Bùi Đức D. Tại cơ quan điều tra ông Lê Đình Q cam kết sẽ trả nợ cho Công ty TNHH H số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*)/tháng đến khi thanh toán đủ số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên sau khi thỏa thuận bà N và ông Q đã không thanh toán cho Công ty TNHH H như đã cam kết, ông có gọi điện thoại nhưng không liên lạc được, đến nơi ở thì không gặp.

Việc không thanh toán tiền của bà N, ông Q đã gây thiệt hại lớn về kinh tế, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH H nên công ty đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đàm Thị Linh N và ông Lê Đình Q có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) cho Công ty TNHH H.

Bị đơn là Công ty TNHH B - Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Đình Q – Giám đốc: đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/6/2023 bà Đàm Thị Linh N trình bày: Công ty TNHH B thành lập khoảng năm 2020, kinh doanh vận tải, vật liệu xây dựng. Công ty TNHH B trước đây thường xuyên lấy dầu tại cửa hàng xăng dầu số 0X thuộc xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng do ông Bùi Đức D là lái xe của công ty trực tiếp mua và cũng là người trực tiếp thanh toán bằng tiền mặt mỗi lần mua dầu. Đầu năm 2022 chồng bà là ông Lê Đình Q đã đưa số điện thoại và nhờ bà gọi điện cho bà Hoàng Thị H để hỏi mua dầu thanh toán theo tháng (mỗi tháng sẽ thanh toán chốt công nợ một lần). Khi bà gọi điện thoại bà H đã nhất trí cho Công ty TNHH B mua dầu theo tháng và còn nói biển số xe của công ty bởi trước đó công ty đã nhiều lần mua dầu tại cửa hàng. Việc mua dầu vào thời điểm đó chưa có hợp đồng giữa hai công ty.

Ngay sau cuộc trao đổi bằng điện thoại giữa bà và bà H thì hôm sau ông Bùi Đức D là lái xe của công ty đã đến lấy dầu tại cửa hàng. Sau đó lái xe tự giao dịch với cửa hàng để lấy dầu, lái xe khi lấy dầu đã ký nhận vào sổ số dầu đã lấy còn tiền dầu hàng tháng Công ty TNHH H sẽ xuất hóa đơn và lái xe cầm về công ty. Mỗi tháng sau khi xuất hóa đơn bà H đều gửi qua Zalo cho bà hóa đơn công ty đã nhận dầu của tháng đó nhưng không gửi qua Zalo giấy tờ về chốt công nợ lần nào.

Công ty TNHH H yêu cầu bà và công ty TNHH B thanh toán số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) bà không đồng ý bởi đây là việc mua bán dầu giữa hai công ty, đồng thời giữa Công ty TNHH H và Công ty TNHH B đã có biên bản thỏa thuận về việc thanh toán số tiền trên nên bà không liên quan đến việc Công ty TNHH H khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H xác nhận về thỏa thuận mua bán và số tiền Công ty TNHH B còn nợ theo lời trình bày của nguyên đơn, đồng thời nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu

Tòa án buộc bà Đàm Thị Linh N và ông Lê Đình Q có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) cho Công ty TNHH H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cao Bằng cung cấp thông tin về trạng thái hoạt động của doanh nghiệp, kết quả như sau:

"*Công ty TNHH B được phòng đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 11/9/2020, chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật là ông: Lê Đình Q, trụ sở công ty đăng ký: số nhà 01X, tổ 0X, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.*

Tình trạng doanh nghiệp: đang đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 03/01/2023 đến ngày 02/01/2024."

Tiến hành sao lục toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc giải quyết đơn tố giác ngày 16/02/2023 của ông Hoàng Văn V – Giám đốc Công ty TNHH H đối với ông Lê Đình Q – Giám đốc công ty TNHH B, bà Đàm Thị Linh N và ông Bùi Đức D có hành vi chiếm đoạt tài sản cụ thể là số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*), kết quả: Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2023 lập tại trụ sở Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng và bản tự khai ngày 23/02/2023 ông Lê Đình Q khai: Vào cuối năm 2020 ông có thành lập Công ty TNHH B do ông làm giám đốc. Quá trình hoạt động của công ty ông có quen biết bà H thông qua lái xe của công ty là ông Bùi Đức D vì thường xuyên mua dầu tại cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty TNHH H, cụ thể ông có liên lạc với bà H vào gần cuối năm 2021 để làm hợp đồng mua bán dầu với công ty, qua trao đổi thì lái xe là người ký sổ nợ và hàng tháng Công ty TNHH H sẽ chốt sổ và gửi hóa đơn ghi nợ cho công ty ông. Từ tháng 01 đến tháng 4/2023 công ty của ông có mua dầu với Công ty TNHH H nhưng chưa trả tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) đồng thời xác nhận có làm biên bản thỏa thuận với Công ty TNHH H về việc hàng tháng sẽ trả số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đình Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) cho Công ty TNHH H, không yêu cầu bà Đàm Thị Linh N có trách nhiệm cùng thanh toán số tiền trên đồng thời đề nghị thay đổi tư cách tố tụng của bà Đàm Thị Linh N thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Cao Bằng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Đàm Thị Linh N và ông Lê Đình Q có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mua dầu là 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) cho Công ty TNHH H. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B là ông Lê Đình Q thừa nhận có thỏa thuận mua dầu trả tiền theo tháng tại cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty TNHH H, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH B đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo như thỏa thuận, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 11, 50, 292, 297 của Luật thương mại; các điều 274, 275, 280, 351, 430 và 440 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm thanh toán số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) cho Công ty TNHH H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty TNHH B và bà Đàm Thị Linh N đều có địa chỉ tại tổ 0X, phường D, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng: theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2023 và thông báo thụ lý số 04/TB-TLVA ngày 18/5/2023 nguyên đơn và Tòa án đều xác định bà Đàm Thị linh N là bị đơn và ông Bùi Đức D - lái xe của Công ty TNHH B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã đề nghị thay đổi tư cách tố tụng của bà N và ông D.

Xét thấy, bà Đàm Thị Linh N mặc dù là vợ của ông Lê Đình Q – Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B và là người trực tiếp liên hệ để giao dịch tuy nhiên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì Công ty TNHH B thuộc sở hữu của ông Q. Mặt khác nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nghĩa vụ thanh toán theo đơn khởi kiện nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình ông Q, bà N nên nguyên đơn đề nghị thay đổi tư cách tố tụng là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành xác minh, tuy nhiên qua rà soát tại địa phương và trên cơ sở dữ liệu dân cư công an phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng không có ai tên là Bùi Đức D có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại tổ 0X và cũng không có ai có tên như trên đang sinh sống tại tổ 0X, phường D. Xét

thấy, các bên đều thừa nhận quyền, nghĩa vụ của mình nên việc không lấy được lời khai của người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn

[2.1]. Về thỏa thuận mua bán hàng hóa

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng mua bán xăng dầu và các bản đối chiếu công nợ chỉ có chữ ký của bên bán là Công ty TNHH H, riêng có 01 bản hợp đồng mua bán xăng dầu có xác nhận của bên mua là Công ty TNHH B (Giám đốc Lê Đình Q đã ký tên và đóng dấu) nhưng phần nội dung của hợp đồng ghi sai tên của của đại diện bên mua là ông Lê Đình Q thành Trịnh Đình Q. Tuy nhiên bà Đàm Thị Linh N đã xác nhận việc chồng bà là ông Lê Đình Q đã đưa số điện thoại và nhờ bà gọi cho bà Hoàng Thị H để hỏi mua dầu thanh toán theo tháng (mỗi tháng sẽ thanh toán chốt công nợ một lần) và mỗi tháng sau khi xuất hóa đơn bà H đều gửi qua Zalo cho bà hóa đơn công ty đã nhận dầu của tháng đó. Mặt khác, theo tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được là biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2023 lập tại trụ sở Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng và bản tự khai ngày 23/02/2023 ông Lê Đình Q thừa nhận giữa Công ty TNHH B và cửa hàng xăng dầu số 0X thuộc Công ty TNHH H có thỏa thuận về việc mua bán dầu, từ tháng 01 đến tháng 4/2023 công ty của ông có mua dầu với Công ty TNHH H nhưng chưa trả số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Như vậy, có thể khẳng định giữa Công ty TNHH H và Công ty TNHH B có thỏa thuận mua bán dầu và thanh toán theo tháng theo Hợp đồng mua bán xăng dầu ngày 01/01/2022.

[2.2]. Về nghĩa vụ thanh toán

Đại diện Công ty TNHH H và đại điện Công ty TNHH B đều xác nhận từ tháng 01 đến tháng 4/2023 Công ty TNHH B đã mua dầu tại cửa hàng xăng dầu số 0X thuộc Công ty TNHH H với tổng số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) nhưng chưa thanh toán.

Nguyên đơn trình bày vào ngày 23/02/2023 ông Lê Đình Q đã làm biên bản thỏa thuận với Công ty TNHH H cam đoan hàng tháng sẽ trả số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) nhưng sau khi thỏa thuận ông Q đã không thanh toán cho Công ty TNHH H như đã cam kết, ông có gọi điện thoại nhưng không liên lạc được, đến nơi ở thì không gặp. Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2023 lập tại trụ sở Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng ông Q cũng thừa nhận có thỏa thuận về việc thanh toán như lời trình bày của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt và không có lời khai cũng như các tài liệu chứng cứ về việc thực hiện thỏa thuận thanh toán ngày 23/02/2023. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH B thanh toán số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bà Đàm Thị Linh N có trách nhiệm cùng ông Lê Đình Q thanh toán số tiền mua dầu của Công ty TNHH H. Tại phiên tòa, nguyên

đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị thay đổi tư cách tố tụng của bà N trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty TNHH B thanh toán số tiền 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) và không yêu cầu bà N có trách nhiệm cùng thanh toán khoản tiền trên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận.

[2.3]. Về lãi suất

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất của các khoản tiền chậm thanh toán theo quy định của pháp luật nhưng sau đó đã có đơn đề nghị không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bị đơn là Công ty TNHH B phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 9.651.000đ (*Chín triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn đồng*).

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 292, Điều 297 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 274, Điều 275 và Điều 385 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều244, Điều 245, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H. Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho Công ty TNHH H số tiền là 193.020.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn Công ty TNHH H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn lại 4.826.000đ (*Bốn triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003409 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn là Công ty TNHH B phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 9.651.000đ (*Chín triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Hoàng Thị H) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Đàm Thị Linh N) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền